

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2024/DS-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ tài sản cho người chết để
lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghiệm.

Ông Huỳnh Hồng Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 590/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị R, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Quang T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà R xin vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị R trình bày:

Vào ngày 01/3/2021 âm lịch, bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956, ngụ ấp Long B, xã Yên L, huyện Gò Công T có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm. Theo thỏa thuận thì khi nào cần thì bà P có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên nhưng kể từ khi vay tiền bà P không trả khoản tiền lãi nào cho bà đến khi bà cần tiền bà có yêu

cầu bà P trả nhiều lần nhưng bà P vẫn không trả tiền cho bà. Trước khi bà P chết vào tháng 11/2023 anh T có trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 45.000.000 đồng. Nay bà P đã chết nên bà yêu cầu anh Trần Quang T là con ruột bà P là người được hưởng thừa kế toàn bộ tài sản của bà P chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do bà Nguyễn Thị P để lại trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án.

Nay bà yêu cầu anh Trần Quang T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định pháp luật đến ngày Tòa án xét xử theo lãi suất 10%/năm, tạm tính đến tháng 12/2023 là 14.000.000 đồng. Yêu cầu anh T trả tiền trong phạm vi giá trị di sản thừa kế bà Nguyễn Thị P để lại, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Trần Quang T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị R khởi kiện yêu cầu anh Trần Quang T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 45.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại **khoản 14 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà Phạm Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quang T đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bà R và anh T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào biên nhận ngày 01/3/2021 âm lịch bà R có cho bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng, khi vay tiền bà P có viết và ký tên vào biên nhận cho bà R và từ khi vay tiền bà P không trả tiền vốn và lãi cho bà R, khi bà R đến nhà bà P đòi tiền nhiều lần thì anh T mới trả cho bà R được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 45.000.000 đồng cho đến khi bà P mất không trả cho bà R thêm số tiền nào nữa mặc dù bà R đã đòi nhiều lần nên bà R khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà R đã cung cấp cho Tòa án biên nhận do bà P viết và ký tên ngày 01/3/2021 âm lịch. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà P còn nợ bà R số tiền 45.000.000 đồng.

[3.2] Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 04/3/2024 đối với Trưởng ấp Long B, xã Yên L và Trưởng ấp Khương N, xã Long B, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang cung cấp thông tin: “*Hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956 (đã chết) nơi cư trú trước khi chết ấp Long B, xã Yên L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang có 01 người con tên Trần Quang T, sinh năm 1997, trú tại ấp Long B, xã Yên L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang. Cha mẹ ruột bà P tên Nguyễn Văn M và Vương Thị P đã chết, chồng bà P đã chết trước bà P do bị tai nạn*”. Do đó người đang quản lý di sản của bà P là anh T con ruột của bà P nên bà R khởi kiện yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà bà P còn nợ bà R là phù hợp với quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Phía anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy anh T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền 45.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà P để lại.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Bà R yêu cầu anh T trả lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 01/3/2021 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở vì mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy lãi suất từ ngày 01/3/2021 âm lịch, tương đương ngày 12/4/2021 đến ngày 05/11/2023 được tính là $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 30 \text{ tháng} = 12.819.443 \text{ đồng}$ và lãi suất ngày 05/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử ngày 14/8/2024 được tính là $45.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 09 \text{ tháng} = 3.612.500 \text{ đồng}$, tổng cộng 16.431.943 đồng nên anh T phải trả cho bà R cả vốn và lãi là 61.431.943 đồng.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Bà R yêu cầu anh T trả cho bà R số tiền 61.431.943 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thay cho bà P và nợ tiền của bà R làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà R. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T thực hiện nghĩa vụ trả cho bà R số tiền 61.431.943 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà R được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R.

Buộc anh Trần Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị R số tiền 61.431.943 đồng (*Sáu mươi một triệu bốn trăm ba mươi một ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng*) trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị P để lại.

Kể từ ngày bà Phạm Thị R có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Quang T không trả số tiền trên thì hàng tháng anh T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Trần Quang T phải chịu 3.071.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân